

Trực Thắng, ngày 18 tháng 6 năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc niêm yết công khai theo Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT
Cuối năm học 2023-2024

Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 Thông tư ban hành Điều lệ trường mầm non;

Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành quy chế thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Công văn số 1148/SGDĐT-TTr ngày ngày 06/8/2021 về việc tăng cường công tác công khai trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Nam Định;

Công văn 74/PGDĐT ngày 10/8/2021 về thực hiện Công văn số 1148/SGDĐT-TTr ngày 06/8/2021 của Sở Giáo dục và Đào tạo;

Kế hoạch số 10/KH-MNTT ngày 17/9/2023 của trường Mầm non Trực Thắng về thực hiện quy chế công khai năm học 2023-2024.

Trường Mầm non Trực Thắng thông báo về việc niêm yết công khai kết quả các hoạt động giáo dục của nhà trường năm học 2023-2024 theo các biểu mẫu 01,02,03,04.

Thời gian niêm yết từ ngày 18/6/2024 đến ngày 18/7/2024

Hình thức công khai: Niêm yết công khai tại bảng tin nội bộ, Website của trường

Nhà trường thông báo đến toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên và phụ huynh trong trường theo dõi.

Nơi nhận:

- CB, GV, NV và phụ huynh;
- Lưu VT, HSCK.

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Thị Lụa

THÔNG BÁO**Công khai cam kết về chất lượng giáo dục Năm học 2023 –****2024**

STT	Nội dung	Kết quả đạt được trong năm học	
		Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Tên Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Thực hiện theo chương trình được quy định tại Thông tư 51/2022/TT-BGDĐT	Thực hiện theo chương trình được quy định tại Thông tư 51/2022/TT-BGDĐT
II	Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ đạt được		
1	Chất lượng nuôi dưỡng trẻ	<ul style="list-style-type: none"> - 72/72 trẻ được nuôi ăn bán trú tại trường. - 100% trẻ được cân đo, theo dõi sức khỏe biểu đồ tăng trưởng 3 lần/năm + Kết quả cân đo cuối năm 72/72 trẻ cân nặng bình thường đạt 99%, suy dinh dưỡng thể nhẹ cân 1/96 trẻ chiếm 1%; 91/96 chiều cao bình thường đạt 95,8%, suy dinh dưỡng thể thấp còi 4/96 trẻ chiếm 4,2% 	<ul style="list-style-type: none"> - 379/379 trẻ được nuôi ăn bán trú tại trường. - 100% trẻ được cân đo, theo dõi sức khỏe biểu đồ tăng trưởng 3 lần/năm + Kết quả cân đo cuối năm 378/379 trẻ cân nặng bình thường đạt 99,7%, suy dinh dưỡng thể nhẹ cân 01/379 trẻ chiếm 0,3%, 377/379 chiều cao bình thường đạt 99,5%, suy dinh dưỡng thể thấp còi 02/379 trẻ chiếm 0,5%
2	Chất lượng chăm sóc trẻ đảm bảo an toàn cho trẻ	100% trẻ được chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần	100% trẻ được chăm sóc sức khỏe, đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần
3	Chất lượng giáo dục trẻ	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả đánh giá trẻ cuối năm + Phát triển thể chất: 72/72 trẻ đạt 100%. + Phát triển nhận thức 70/72 đạt 97,2% 	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả đánh giá trẻ cuối năm + Phát triển thể chất: 377/379 trẻ đạt 99,5%. + Phát triển nhận thức 375/379 đạt 98,9%

		<ul style="list-style-type: none"> + Phát triển ngôn ngữ: 70/72 đạt 97,2% + Phát triển tình cảm, kỹ năng XH và thẩm mỹ 70/72 đạt 97,2% 	<ul style="list-style-type: none"> + Phát triển ngôn ngữ: 375/379 đạt 98,9% + Phát triển tình cảm, kỹ năng XH 375/379 đạt 98,9% + Phát triển thẩm mỹ 375/379 đạt 98,9%
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non (nếu có)	<ul style="list-style-type: none"> - Duy trì giữ vững trường Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn, giữ vững và phát huy các tiêu chí chuẩn các tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia mức độ II. - Tạo môi trường giáo dục theo chủ đề “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ làm trung tâm” - Đẩy mạnh các phong trào thi đua nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tốt - Bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ tay nghề cho đội ngũ. - 3/3 nhóm trẻ đảm bảo đủ các điều kiện CSVC, ĐĐĐC, TTB nâng cao chất lượng CSNDGD trẻ đảm bảo an toàn tuyệt đối. - Thực hiện mức ăn bán trú của trẻ 17.000 đồng/1 trẻ/ngày. - 100% nhóm lớp có tivi, máy tính kết nối mạng wifi trong trường...tạo điều kiện cho trẻ tham gia các hoạt động chính khóa, học kỹ năng sống, chơi các trò chơi phát triển trí tuệ... - Kết hợp tốt giữa nhà trường với CMHS tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, đẩy mạnh công tác XHH giáo dục tăng cường nguồn lực tu sửa, bổ sung CSVC, thiết bị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ. - Tăng cường công tác kiểm 	<ul style="list-style-type: none"> - Duy trì giữ vững trường Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn, giữ vững và phát huy các tiêu chí chuẩn các tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia mức độ II. - Tạo môi trường giáo dục theo chủ đề “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ làm trung tâm” - Đẩy mạnh các phong trào thi đua nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ tốt - Bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ tay nghề cho đội ngũ. - 12/12 nhóm lớp đảm bảo đủ các điều kiện CSVC, ĐĐĐC, TTB nâng cao chất lượng CSNDGD trẻ đảm bảo an toàn tuyệt đối. - Thực hiện mức ăn bán trú của trẻ 17.000 đồng/1 trẻ/ngày. - 100% nhóm lớp có tivi, máy tính kết nối mạng wifi trong trường...tạo điều kiện cho trẻ tham gia các hoạt động chính khóa, học kỹ năng sống, chơi các trò chơi phát triển trí tuệ... - Kết hợp tốt giữa nhà trường với CMHS tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, tăng cường các hoạt động trải nghiệm trong và ngoài khuôn viên nhà trường, đẩy mạnh công tác XHH giáo dục tăng cường nguồn lực tu sửa, bổ sung CSVC, thiết bị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

		tra giám sát trong nhà trường	- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát trong nhà trường
--	--	-------------------------------	--

Trực Thắng, ngày 18 tháng 6 năm 2024
HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Thị Lụa

THÔNG BÁO
Công khai chất lượng giáo dục thực tế
Năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	451			72	132	129	118
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	451			72	132	129	118
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	451			72	132	129	118
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	451			72	132	129	118
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	451			72	132	129	118
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	450			72	132	129	117
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	14			0	0	0	1
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	449			72	132	128	117
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	02			0	0	1	1

5	Số trẻ thừa cân béo phì	0			0	0	0	0
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	451			72	132	129	118
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	72			72			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	379				132	128	117

Trực Thắng, ngày 18 tháng 6 năm 2024
HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Thị Lụa

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất
Năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	15	1,5 m ² /trẻ em
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	15	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	2	-
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	6386 (m ²)	14,15m ² /trẻ
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	3035 m ²	6,7 m ² /trẻ em
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	1020 m ²	2,2 m ² /trẻ em
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	65	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	210 m ²	0,3 m ² /trẻ em
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	183,5 m ²	0,5 m ² /trẻ em
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	0	0
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	230	0,53 m ² /trẻ em
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	160 m ²	0,37 m ² /trẻ em
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	15	1bộ/1lớp
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	

VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	2	Số bộ1/sân chơi
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	19	19 ti vi, 01 máy chiếu, 05 máy tính
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)	04	Dùng chung
1	- Bộ ghế thể dục đa năng	1	
2	- Đích thẳng đứng nhiều hình dạng ngộ nghĩnh	10	
3	- Bộ sân khấu đa năng	1	
4	+ Bộ mô hình “Bé thực hành cuộn len”	2	

		Số lượng(m ²)				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1	0	15	0	0,3 m ² /trẻ em
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*			0		

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

Trục Thắng, ngày 18 tháng 6 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Thị Lụa

5	Nhân viên khác	9			2	0	0	7								
---	----------------	---	--	--	---	---	---	---	--	--	--	--	--	--	--	--

Trúc Thắng, ngày 18 tháng 6 năm 2024
HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Thị Lụa

